

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2024
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Bà Trần Thị Nga.
- 2- Bà Phan Thị Dòn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 995/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Hồng A**, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc Hoàng A**, sinh năm 1988;
Địa chỉ: 17/17A ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc Hoàng A chung sống với nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B,

Thành phố H vào ngày 11/10/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã do ông A thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Bà có khuyên can ông A để vợ chồng hàn gắn cùng nhau lo tương lai cho con nhưng ông A không chịu sửa đổi nên bà đã mang con về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông A có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Huỳnh Ngọc N (giới tính nữ, sinh ngày 21/10/2020). Hiện nay, trẻ N đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Hồng A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hồng A. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Huỳnh Ngọc N (giới tính nữ, sinh ngày 21/10/2020) cho bà Huỳnh Thị Hồng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Ngọc Hoàng A. Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về nợ chung: Quá trình chung sống, bà A xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Hồng A và ông Nguyễn Ngọc Hoàng A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H vào ngày 11/10/2019. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà A yêu cầu ly hôn với ông A. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, Thành phố H nên căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà A là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Ngọc Hoàng A. Tại phiên tòa hôm nay, ông A vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông A là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 109/2019 đăng ký ngày 11/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H thể hiện hôn nhân giữa bà A và ông A là hợp pháp.

Tại Công văn số 4024/UBND ngày 26/12/2023 Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H cho biết không rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Hồng A và ông Nguyễn Ngọc Hoàng A.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Hoàng A vắng mặt, không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà A và cũng không có bất kỳ động thái nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà A xác định quá trình chung sống bà và ông A có một con chung là trẻ Nguyễn Huỳnh Ngọc N (giới tính nữ, sinh ngày 21/10/2020).

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...”

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

Bà A xác nhận hiện nay trẻ N đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng và có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét, trẻ N còn nhỏ, cần sự chăm sóc, gần gũi, yêu thương, chia sẻ, dạy dỗ nhiều từ mẹ. Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng thông báo cho ông A biết về yêu cầu của bà A muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên ông A không có bất kỳ động thái nào phản đối. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ và tránh làm cuộc sống của trẻ bị xáo trộn, nghĩ nên giao trẻ N cho bà A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà A không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà A xác định quá trình chung sống bà và ông A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà A xác định quá trình chung sống bà và ông A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Hồng A đối với ông Nguyễn Ngọc Hoàng A.

Bà Huỳnh Thị Hồng A được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Hoàng A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2019 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H ngày 11/10/2019 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Huỳnh Ngọc N (Giới tính: Nữ, sinh ngày 21/10/2020) cho bà Huỳnh Thị Hồng A chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà A không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc Hoàng A có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà A và ông A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà A và ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020800 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Anh đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu